

Bản án số: 170/2021/DS-PT

Ngày: 28 - 9 -2021

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Thuần

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 154/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2021/QĐ-PT ngày 18/8/2021, Thông báo chuyển lịch phiên tòa phúc thẩm số 960/2021/TB-TA ngày 06/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 126/2021/QĐ-PT ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh L, sinh năm 1969; bà Lê Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*Đại diện theo ủy quyền của ông L, bà N:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: 02 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Cảnh C, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T

Người đại diện: Ông Nguyễn Viết L. Chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Đ, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Lê Thị Thanh K. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã chết.

3.5. Bà Nguyễn Thị V. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Lê Minh L và bà Lê Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Vào năm 1991, gia đình ông L, bà N chuyển từ Thanh Hóa vào huyện Krông Pắc lập nghiệp. Năm 1998 gia đình ông L, bà N có khai hoang được thửa đất có tổng diện tích khoảng 700m<sup>2</sup> đất dùng để trồng lúa nước tại khu vực gò đá Tân An, tại Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C2. Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C2. Phía Bắc giáp đất ông Lê Viết C3.

Sau khi khai hoang thửa đất trên, gia đình ông L, bà N đã canh tác, sử dụng ổn định (trồng cây lúa nước) để có thu nhập nuôi sống gia đình từ năm 1998 đến nay, không tranh chấp với ai cũng như không bị cơ quan nhà nước nào xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tuy nhiên, vào ngày 11/6/2019 có ông Nguyễn Cảnh C đến và tranh chấp một phần diện tích đất trên thửa đất ông L, bà N đang sử dụng có diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>. Ông L, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông C dừng việc canh tác thửa đất trên và trả lại cho ông L, bà N. Tuy nhiên, ông C vẫn cố ý chiếm đoạt diện tích đất trên của ông L, bà N. Ngoài ra, ông L, bà N còn được biết bà Lê Thị Thanh K cũng tranh chấp diện tích đất trên với ông L, bà N nên ngày 27/6/2019, ông L, bà N có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn P yêu cầu giải quyết tranh chấp đất nêu trên với ông C, bà K, tuy nhiên việc hòa giải không thành.

Vì vậy, ông L, bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông L, bà N và buộc ông Nguyễn Cảnh C, bà Lê Thị Thanh K trả lại diện tích đất mà ông C, bà K đang chiếm giữ là 350m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà N đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị Thanh K.

Ông L, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông Nguyễn Cảnh C đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất trên cho ông, bà và buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại 350m<sup>2</sup> đất tranh chấp. Theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH đo đạc tư vấn nông lâm nghiệp Đắc Lắc đối với thửa đất tranh chấp thì diện tích đất tranh chấp giữa ông L, bà N với ông C là 364,3m<sup>2</sup>. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại cho ông L, bà N diện tích đất 364,3m<sup>2</sup> lấn chiếm.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến gì thêm.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Cảnh C trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất 364,3m<sup>2</sup> đang tranh chấp là của ông Nguyễn Quý H khai hoang từ năm 1989 (hiện ông H đã chết), ông H chuyển nhượng lại cho ông C từ năm 2001. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện K có chủ trương thu hồi để giao lại cho Hợp tác xã T chia lại cho xã viên canh tác, trong đó Hợp tác xã đã giao lại diện tích đất này cho ông C canh tác, sử dụng.

Ông Nguyễn Cảnh C là thành viên Hợp tác xã nông nghiệp T. Ngày 30/8/2006, ông C và Hợp tác xã T có xác lập hợp đồng giao nhận đất với diện tích 2.200m<sup>2</sup> trong đó có diện tích đất ông L, bà N đang khởi kiện là 364,3m<sup>2</sup>, tại khu vực gò đá Tân An để sử dụng, hàng năm ông C có đóng sản lượng đầy đủ cho Hợp tác xã. Hiện nay, ông L, bà N khởi kiện yêu cầu ông C trả lại diện tích đất trên thì ông C không đồng ý, vì diện tích đất này Hợp tác xã T đã giao cho ông C sử dụng theo Hợp đồng giao nhận đất ông C đã ký kết với Hợp tác xã T, hàng năm ông C có đóng sản lượng đầy đủ cho Hợp tác xã.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến gì thêm.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã nông nghiệp T, đại diện ông Nguyễn Viết L trình bày:*

Vào năm 1977, Hợp tác xã T trực thuộc xã E, huyện K và được giao cánh đồng Thạch Côn tại xã E quản lý. Đến năm 1989 thị trấn P được thành lập, Hợp tác xã T được chuyển về cho thị trấn P quản lý, cánh đồng Thạch Côn được xã E thu hồi lại, nên Ủy ban nhân dân huyện K và Ủy ban nhân dân thị trấn P giao lại cánh đồng Tân An cho Hợp tác xã T chia lại cho xã viên canh tác. Hợp tác xã nông nghiệp T có 239 hộ thành viên sản xuất. Trong đó, ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là thành viên Hợp tác xã, ông Nguyễn Cảnh C là thành viên của Hợp tác xã. Trong quá trình sản xuất Hợp tác xã có ký hợp đồng với các xã viên để theo dõi các khoản thu nộp của Nhà nước và của Hợp tác xã, ông Nguyễn Cảnh C có ký hợp đồng với Hợp tác xã vào ngày 30/8/2006, từ đó đến nay ông C thường xuyên liên hệ với Hợp tác xã để nộp sản lượng cho Hợp tác xã. Việc ông L, bà N cho rằng vào năm 1998 vợ chồng ông, bà có khai hoang diện tích khoảng 700m<sup>2</sup> đất tại khu vực cánh đồng Tân An là không đúng, vì khi Hợp tác xã tiếp nhận khu vực

cánh đồng này thì các hộ như bà Lê Thị Thanh K, ông Nguyễn Cảnh C và nhiều người khác đã canh tác trước đó.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K, đại diện theo ủy quyền ông Đặng Minh Đ trình bày:*

Theo hồ sơ thể hiện diện tích đất 622,1m<sup>2</sup> (trong đó có 364,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp) tại khu vực gò đá Tân An, tại tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K có vị trí và ranh giới thuộc thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 25 hiện đang được Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (trước đây là Hợp tác xã T, Hợp tác xã nông nghiệp T) quản lý, sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện K giao quản lý từ năm 1990, theo quyết định số 48/QĐ-UB ngày 12/5/1990. Trong quá trình quản lý diện tích đất, Hợp tác xã có ký hợp đồng với các xã viên để các xã viên canh tác và hàng năm nộp sản lượng cho Hợp tác xã. Đối với diện tích đất này hiện nay đang được Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T quản lý, sử dụng chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện K: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N, căn cứ vào hồ sơ thì phần diện tích đất tranh chấp đang do Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T quản lý vì vậy chưa đủ căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà N. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K trình bày:*

Vào năm 1977 Hợp tác xã T trực thuộc xã E, huyện K. Đến năm 1989 thị trấn P được thành lập, Hợp tác xã T được chuyển về cho thị trấn P, huyện K quản lý.

Theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH đo đạc tư vấn nông lâm nghiệp Đắc Lắc thì diện tích đất tranh chấp giữa ông L, bà N với ông C được xác định là 364,3m<sup>2</sup> tại khu vực gò đá Tân An, tọa lạc tại Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc có vị trí và ranh giới thuộc thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 25, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông C2. Phía Nam giáp đất bà N, ông L. Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Phía Tây giáp bờ ao của ông C1. Về hiện trạng sử dụng đất: Đất trồng lúa nước.

Về nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất trên được Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (trước đây là HTX T) quản lý, sử dụng; được Ủy ban nhân dân huyện K giao cho Hợp tác xã T quản lý vào ngày 12/5/1990 theo Quyết định số 48/QĐ-UB. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện K giao cho Hợp tác xã quản lý thì Hợp tác xã giao lại cho các xã viên của Hợp tác xã canh tác và nộp sản lượng cho Hợp tác xã theo “hợp đồng giao nhận đất”.

Ngày 23/12/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K đã tiến hành xác minh tại Hợp tác xã T xác định ông Nguyễn Cảnh C, bà Lê Thị Thanh K là thành

viên của Hợp tác xã T, ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là thành viên của Hợp tác xã T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Cảnh C, trả lại diện tích đất 364,3m<sup>2</sup> ông C đang chiếm giữ thì ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn P như sau: Đối với diện tích đất này là do Ủy ban nhân dân huyện K giao cho Hợp tác xã nông nghiệp T quản lý, Hợp tác xã chỉ giao cho những ai có trong danh sách là xã viên Hợp tác xã để canh tác, còn không thuộc xã viên Hợp tác xã thì không được giao đất để canh tác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh K trình bày:*

Vào năm 1983 gia đình bà K có khai hoang diện tích đất khoảng 800m<sup>2</sup> ở cánh đồng hồ Tân An (gọi là gò đá). Sau đó Ủy ban nhân dân huyện K có chủ trương thu hồi để giao lại cho Hợp tác xã T chia lại cho xã viên canh tác trong đó có gia đình bà K được nhận canh tác diện tích 800m<sup>2</sup> đất trên. Sau một thời gian canh tác vì lý do sức khỏe bà K đã cho Lê Minh L là em họ của bà K mượn để canh tác và thu hoạch, nhưng các khoản đóng góp, nghĩa vụ cho Hợp tác xã bà K đã đóng đến năm 2017. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà N thì ý kiến của bà K như sau: Thực tế diện tích đất này Hợp tác xã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ là chồng bà K, hiện nay ông Đ đã mất, bà K đã làm đơn tự nguyện trả lại đất cho Hợp tác xã T theo hợp đồng, nay bà K không còn sử dụng đối với diện tích đất này.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà Nguyễn Thị V là vợ của ông Nguyễn Cảnh C. Bà V đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Cảnh C. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N thì bà V không đồng ý.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông H là hàng xóm của ông L, bà N. Đối với diện tích đất ông L, bà N đang tranh chấp với ông Nguyễn Cảnh C thì ông H được biết diện tích đất này ông L, bà N canh tác từ năm 1998 và sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp với ai, về nguồn gốc đất thì ông H không biết trước đó là của ai.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N1 là hàng xóm của ông L, bà N. Bà N1 hay đi đòi công với ông L, bà N nên bà N1 biết diện tích đất ông L, bà N đang tranh chấp với ông Nguyễn Cảnh C là của ông L, bà N đã sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay không tranh chấp với ai, về nguồn gốc đất thì bà N1 không biết trước đó là của ai.

*\* Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông C1 canh tác cạnh diện tích đất của ông L, bà N. Ông C1 biết ông L, bà N đã sử dụng diện tích đó từ năm 1998 đến nay, về nguồn gốc đất thì ông C1 không biết trước đó là của ai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N về việc buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại diện tích đất 364,3m<sup>2</sup>.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N về việc buộc bà Lê Thị Thanh K trả lại diện tích đất 350m<sup>2</sup>.

Về các chi phí tố tụng: Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất (*Ông L, bà N đã nộp đủ số tiền 6.049.000 đồng*).

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N phải chịu 1.568.920đ (Một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0007167 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N còn phải chịu 318.920 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2021, nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N có đơn kháng cáo, với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại 364,3m<sup>2</sup> diện tích đất ruộng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguồn gốc 364,3m<sup>2</sup> diện tích đất ruộng đang tranh chấp nằm trong diện tích 622,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 01,02, tờ bản đồ số 25 được UBND huyện Krông Pắc giao cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T quản lý, sử dụng. Hợp tác xã có ký hợp đồng với các xã viên để các xã

viên canh tác và nộp sản lượng hằng năm cho Hợp tác xã. Ông Nguyễn Cảnh C và bà Lê Thị Thanh K là xã viên của Hợp tác xã nông nghiệp T và được Hợp tác xã giao đất cho các hộ canh tác theo hợp đồng giao nhận đất vào năm 2006. Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là xã viên của Hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp T xác nhận không giao đất cho ông L, bà N. Đối với việc ông L, bà N cho rằng diện tích đất tranh chấp là do ông, bà khai hoang nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác ông L, bà N cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất nêu trên là của ông, bà. Đối với lời khai của những người làm chứng cho rằng ông L, bà N đã sử dụng đất từ năm 1989 đến nay nhưng không biết rõ nguồn gốc đất. Như vậy, có đủ căn cứ xác định 364,3m<sup>2</sup> diện tích đất ruộng đang tranh chấp nằm trong diện tích 622,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 01,02, tờ bản đồ số 25 được UBND huyện K là đất được giao cho Hợp tác xã nông nghiệp T quản lý, sử dụng. Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là xã viên của Hợp tác xã và không được Hợp tác xã giao đất canh tác. Nên yêu cầu khởi kiện của ông L, bà N buộc ông C trả lại 364,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp nêu trên là không có căn cứ. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ông L, bà N có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho ông L, bà N nhưng cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là có thiếu sót. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên thêm không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên cho nguyên đơn để giải quyết triệt để toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Về án phí, cấp sơ thẩm buộc ông L, bà N phải chịu án phí có giá ngạch là chưa chính xác.

Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N, Sửa một phần bản án số 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo là nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà N là ông Nguyễn Văn K có mặt. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện K, UBND thị trấn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 296 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại 364,3m<sup>2</sup> diện tích đất ruộng cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Diện tích đất tranh chấp 364,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 01, 02, tờ bản đồ số 25, diện tích 662,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K. Được UBND huyện K giao cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (trước đây là Hợp tác xã nông nghiệp T) quản lý, sử dụng, theo quyết định số 48/QĐ-UB ngày 12/5/1990. Hiện nay thửa đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Theo lời khai của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T thì Hợp tác xã có 239 hộ thành viên sản xuất. Trong các thành viên của Hợp tác xã thì có ông Nguyễn Cảnh C và hộ bà Lê Thị Thanh K là xã viên của Hợp tác xã. Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là thành viên của Hợp tác xã và không được Hợp tác xã chia đất để canh tác. Hợp tác xã ký hợp đồng giao đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của hợp tác xã cho các xã viên canh tác và hằng năm thu sản lượng để nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể năm 2006, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T có ký hợp đồng giao đất sản xuất lúa nước tại cánh đồng hồ Tân An cho ông Nguyễn Cảnh C và bà Lê Thị Thanh K. Từ năm 2016 đến năm 2017 ông C, cũng như bà K đã đóng đầy đủ sản lượng lúa cho Hợp tác xã nông nghiệp T.

Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N cho rằng năm 1991 vợ chồng ông, bà vào huyện Krông Pắc lập nghiệp. Vợ chồng ông L, bà N đã khai hoang diện tích đất 700m<sup>2</sup> tại khu vực gò đá Tân An, trong đó có diện tích đất tranh chấp nêu trên. Tuy nhiên, UBND huyện K và UBND thị trấn P đã xác nhận ngày 12/5/1990, UBND huyện K đã ban hành tại quyết định số 48/QĐ-UB giao 10,5ha đất sản xuất lúa nước hai vụ ở hồ Tân An cho Hợp tác xã nông nghiệp T quản lý, sử dụng. Như vậy, từ năm 1990 toàn bộ đất sản xuất lúa nước tại cánh đồng hồ Tân An đã được giao cho Hợp tác xã quản lý, sử dụng. Ông L, bà N không cung cấp được chứng cứ, chứng minh ông, bà đã khai hoang phần diện tích đang tranh chấp và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được quyền sử dụng đất tranh chấp là của ông L, bà N. Đối với lời khai của những người làm chứng cho rằng ông L, bà N đã canh tác trên diện tích đất 700m<sup>2</sup> tại khu vực gò đá Tân An từ năm 1998 nhưng không biết rõ nguồn gốc đất. Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bà Lê Thị Thanh K, cụ thể bà K khai năm 1983 gia đình bà K có khai hoang diện tích đất khoảng 800m<sup>2</sup> ở cánh đồng hồ Tân An (gọi là gò đá). Sau đó Ủy ban nhân dân huyện K có chủ trương thu hồi để giao lại cho Hợp tác xã T chia



lại cho xã viên canh tác trong đó có gia đình bà K được nhận canh tác diện tích 800m<sup>2</sup> đất trên. Sau một thời gian canh tác vì lý do sức khỏe bà K đã cho ông Lê Minh L mượn để canh tác và thu hoạch, nhưng các khoản đóng góp, nghĩa vụ cho Hợp tác xã bà K đã đóng đến năm 2017. Lời khai của bà K cũng phù hợp với lời khai của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, phù hợp với biên lai đóng sản lượng lúa cho Hợp tác xã của bà K từ năm 2006 đến năm 2017. Hiện nay bà K đã chết, bà K cũng đã làm đơn trả lại đất cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để xác định phần diện tích đất tranh chấp 364,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 01, 02, tờ bản đồ số 25, diện tích 662,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T. Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải là xã viên của Hợp tác xã, không được Hợp tác xã giao đất canh tác. Ông L, bà N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại cho ông L, bà N 364,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp là không có căn cứ.

[2.2]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp tại khu vực gò đá Tân An, Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông L, bà N và buộc ông Nguyễn Cảnh C, bà Lê Thị Thanh K trả lại diện tích đất mà ông C, bà K đang chiếm giữ là 350m<sup>2</sup> (diện tích tranh chấp sau khi đo đạc lại là 364,3m<sup>2</sup>). Ngày 12/5/2020, ông Lê Minh L, bà Lê Thị N đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị Thanh K và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Cảnh C. Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho ông L, bà N và buộc ông Nguyễn Cảnh C trả lại 364,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc thửa đất số 01, 02, tờ bản đồ số 25, diện tích 662,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K. Nhưng bản án sơ thẩm không đề cập giải quyết yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn là thiếu sót. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông C trả lại diện tích đất tranh chấp. Do đó thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nhưng cần rút kinh nghiệm. Bản án phúc thẩm cần tuyên thêm về việc không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn để giải quyết triệt để toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[2.3]. Theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn ông L, bà N yêu cầu Tòa án xem xét quyền sử dụng đất tranh chấp của ai nên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn ông L, bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên phần diện tích đất tranh chấp là chưa chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N. Sửa một phần bản dân sự sơ thẩm số 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo, nên người kháng cáo là ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 193/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 5, Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh L, bà Lê Thị N đối với diện tích 364,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 01, 02, tờ bản đồ số 25, diện tích 662,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, trị trấn P, huyện K.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N về việc buộc ông Nguyễn Cảnh C phải trả lại diện tích đất 364,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 01, 02, tờ bản đồ số 25, diện tích 662,1m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, trị trấn P, huyện K.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh L, bà Lê Thị N về việc buộc bà Lê Thị Thanh K trả lại diện tích đất 350m<sup>2</sup> tọa lạc tại Khu vực gò đá Tân An, tổ dân phố 1, trị trấn P, huyện K.

4. Về các chi phí tố tụng: Ông Lê Minh L, bà Lê Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất (*Ông L, bà N đã nộp đủ số tiền 6.049.000 đồng*).

5. Về án phí:

5. 1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0007167 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Hoàn trả cho ông Lê Minh L, bà Lê Thị N 950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Minh L, bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Minh L, bà Lê Thị N 600.000đ đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 60AA/2021/0006465 ngày 19/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

-TAND Tối cao;

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

-TAND huyện Krông Pắc;

-CCTHADS huyện Krông Pắc;

-Các đương sự;

-.....

-Lưu.

( đã ký)

**Nguyễn Thị Nhung**